

Số: 167/QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 9 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra tin học
đối với những sinh viên đăng ký kiểm tra đợt 1 năm học 2022 -2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 ban hành Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNQN ngày 28/5/2020 về việc ban hành Quy định Chuẩn đầu ra tin học cho sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-ĐHCNQN ngày 21/9/2022 về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên các lớp đại học hệ chính quy năm học 2022-2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ vào kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra tin học được tổ chức vào ngày 26 và 27 tháng 11 năm 2022 tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra tin học đối với những sinh viên đăng ký tham dự kiểm tra đợt 1 năm học 2022 - 2023.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng các đơn vị trong toàn trường và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (02);
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐT (02).



TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC

Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-ĐHCNQN ngày 9 tháng 12 năm 2022 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
1	1	CQ14DH0027	Bùi Hiểu Anh	24/11/2003	Kế toán14	-			Không đạt	Vắng thi
2	2	CQ13DH0462	Cao Thị Thùy Anh	22/11/2002	DHTCDN13	5	7,5	6,3	Đạt	
3	3	CQ12DH0150	Đỗ Kim Anh	14/07/2000	DHKETOAN K12	6,8	8,5	7,7	Đạt	
4	4	CQ13DH0028	Nguyễn Ngọc Anh	24/08/2002	DHKTTH13	4,8	7	5,9	Đạt	
5	5	CQ13DH0016	Nguyễn Thị Vân Anh	21/04/2002	DHKTTH13	7	9	8,0	Đạt	
6	6	CQ14DH0221	Nguyễn Thị Việt Anh	04/02/1995	Kế toán14	5,8	7,75	6,8	Đạt	
7	7	CQ13DH0329	Nguyễn Tuấn Anh	09/08/2002	DHCNKTCKOT13	5,3	5,5	5,4	Đạt	
8	8	CQ13DH0452	Nguyễn Việt Anh	25/12/1999	DHKTML13	7,8	9	8,4	Đạt	
9	9	CQ12DH0068	Phạm Thị Ngọc Anh	09/07/2001	DHKETOAN K12	5	5	5,0	Đạt	
10	10	CQ12DH0072	Vũ Thị Huệ Anh	30/04/2001	DHKETOAN K12	-			Không đạt	Vắng thi
11	11	CQ13DH0412	Vũ Trung Anh	05/09/2002	DHKTTH13	7,5	9,5	8,5	Đạt	
12	12	CQ13DH0050	Cao Ngọc Ánh	08/12/2002	DHKTTH13	4,8	5,5	5,2	Đạt	
13	13	CQ12DH0065	Hoàng Thị Ánh	05/07/1987	DHKETOAN K12	5,3	6	5,7	Đạt	
14	14	CQ13DH0231	Lê Thanh Bách	23/09/2001	DHCNĐL13	6,8	7	6,9	Đạt	
15	15	CQ13DH0310	Nguyễn Văn Bách	04/01/2002	DHCNKTCKOT13	5,8	2,5	4,2	Không đạt	
16	16	CQ13DH0456	Đặng Văn Bình	22/12/2002	DHKTTH13	5,3	6,75	6,0	Đạt	
17	17	CQ14DH0217	Nguyễn Thanh Bình	25/06/2002	CK_ô_tô14	5,3	7	6,2	Đạt	
18	18	CQ13DH0035	Nguyễn Thị Bình	09/03/2002	DHKTTH13	6	7,5	6,8	Đạt	
19	19	CQ13DH0286	Phùng Chí Công	17/02/2000	DHCNKTĐ13	4,3	4,5	4,4	Không đạt	
20	20	CQ12DH0147	Đỗ Quốc Cường	05/03/1997	DHQTĐ K12	6,5	4,5	5,5	Đạt	
21	21	CQ13DH0061	Phạm Thị Thúy	21/08/2002	DHKTTH13	4,3	4,5	4,4	Không đạt	
22	22	LA12DH0002	Khamphet Chanthapha	01/11/2000	DHKTĐSVNNK12	3	2	2,5	Không đạt	
23	23	CQ13DH0057	Nguyễn Linh Chi	16/07/2002	DHKTTH13	4,8	4,25	4,5	Không đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
24	24	LTCQ13DH13	Phùng Duy Cường	20/10/1992	DHLTQTKD K13	-			Không đạt	Vắng thi
25	25	CQ12DH0105	Hòa Ngọc Đại	14/10/2001	DHCKOTO K12	5	3	4,0	Không đạt	
26	26	CQ12DH0038	Trịnh Đức Đại	16/11/2001	DHTDHCN K12	-			Không đạt	Vắng thi
27	27	LA13DH0004	Soudalath Daly	16/06/2002	DHTCNN(SVNN)13	5,3	7	6,2	Đạt	
28	28	CQ14DH0121	Đinh Văn Đạt	24/01/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
29	29	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành Đạt	11/10/2001	DHDT K12	6	4,5	5,3	Đạt	
30	30	LA13DH0002	Phonethida Douangmany	30/07/2001	DHTCNN(SVNN)13	4,3	5,75	5,0	Đạt	
31	31	CQ13DH0147	La Hồng Dung	06/05/2002	DHKTTH13	5,5	2,75	4,1	Không đạt	
32	32	CQ12DH0138	Mạc Anh Dũng	25/05/2000	DHKTD K12	-			Không đạt	Vắng thi
33	33	CQ14DH0109	Nguyễn Việt Dũng	04/10/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
34	34	CQ13DH0263	Trần Hùng Dũng	31/08/2002	DHCNKTD13	4	6,5	5,3	Đạt	
35	35	CQ13DH0186	Trịnh Ngọc Dũng	14/12/2002	DHCNKTD13	5,3	6,5	5,9	Đạt	
36	36	CQ14DH0018	Bùi Thị Thùy Dương	23/11/1999	Kế_toán14	-			Không đạt	Vắng thi
37	37	CQ14DH0154	Chu Hoàng Dương	09/09/2003	CK_ô_tô14	4,3	4,25	4,3	Không đạt	
38	38	CQ14DH0093	Lê Bình Dương	24/02/2003	CK_ô_tô14	7,3	6,5	6,9	Đạt	
39	39	CQ14DH0020	Nguyễn Thiên Dương	15/10/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
40	40	CQ14DH0105	Phạm Thị Thuỳ Dương	05/09/2003	Kế_toán14	-			Không đạt	Vắng thi
41	41	CQ14DH0237	Bàn Thị Mỹ Duyên	28/01/2003	Kế_toán14	8	8,25	8,1	Đạt	
42	42	CQ12DH0087	Nguyễn Tiến Đạt	29/08/2001	DHHAMLO K12	-			Không đạt	Vắng thi
43	43	CQ13DH0282	Nguyễn Văn Đạt	19/11/2002	DHCNKTD13	6	6,25	6,1	Đạt	
44	44	CQ14DH0110	Trần Quang Đạt	23/05/2003	CK_ô_tô14	3,5	5,5	4,5	Không đạt	
45	45	CQ14DH0054	Đỗ Thượng Đình	03/05/2003	CK_ô_tô14	5,3	8,5	6,9	Đạt	
46	46	CQ14DH0055	Trịnh Đức Đông	03/05/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
47	47	CQ13DH0347	Nguyễn Văn Đồng	07/03/2002	DHQTKD13	6,3	8,25	7,3	Đạt	
48	48	CQ13DH0049	Phùng Văn Đồng	02/11/2002	DHKTTH13	5,5	9,75	7,6	Đạt	
49	49	CQ13DH0268	Đinh Như Đức	26/10/2002	DHCNKTD13	7,3	7,5	7,4	Đạt	
50	50	CQ14DH0097	Ngô Bá Đức	12/01/2003	CK_ô_tô14	5,3	5,5	5,4	Đạt	
51	51	CQ13DH0387	Vũ Hoàng Trung Đức	19/03/2002	DHCNKTD13	8,8	8,75	8,8	Đạt	
52	52	CQ12DH0081	Đàm Thị Hương Giang	12/09/2001	DHKETOAN K12	5	6,75	5,9	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
53	53	CQ12DH0137	Dương Văn Huệ Giang	01/12/2000	DHHAMLO K12	-			Không đạt	Vắng thi
54	54	CQ13DH0463	Nguyễn Trường Giang	02/02/1980	DHQT KD13	5	4	4,5	Không đạt	
55	55	CQ12DH0144	Phạm Thị Thu Hà	21/02/2001	DHKETOAN K12	-			Không đạt	Vắng thi
56	56	CQ13DH0132	Phạm Thị Hải	07/09/2002	DHQT KDLKS	3,8	1,5	2,7	Không đạt	
57	57	CQ12DH0070	Cao Thị Thu Hằng	22/12/2001	DHKETOAN K12	6,3	7,25	6,8	Đạt	
58	58	CQ12DH0136	Nguyễn Thị Minh Hằng	24/11/2001	DHKETOAN K12	-			Không đạt	Vắng thi
59	59	CQ13DH0181	Nguyễn Tuấn Hiền	29/05/2002	DHCNKTCKOT13	4,8	6,5	5,7	Đạt	
60	60	CQ13DH0058	Đặng Minh Hiếu	25/06/2001	DHCN DL13	4,8	4,5	4,7	Không đạt	
61	61	CQ13DH0110	Nguyễn Ngọc Hiếu	14/10/2002	DHQT KDLKS	7,3	5	6,2	Đạt	
62	62	CQ13DH0178	Phạm Văn Hiếu	08/01/2002	DHCNKT DL13	6,8	7,75	7,3	Đạt	
63	63	CQ13DH0251	Tô Tiến Hiếu	03/12/2002	DHCN DL13	6,5	7,25	6,9	Đạt	
64	64	CQ14DH0167	Trần Mạnh Hiếu	05/10/2003	CK ô tô14	4,5	6,5	5,5	Đạt	
65	65	CQ12DH0135	Nguyễn Minh Hòa	19/01/2001	DHKETOAN K12	-			Không đạt	Vắng thi
66	66	CQ13DH0295	Đỗ Khắc Hoàng	20/08/2002	DHCNKT DL13	4,5	6	5,3	Đạt	
67	67	CQ13DH0064	Nguyễn Huy Hoàng	05/09/1999	DHQT KD13	4,5	7,25	5,9	Đạt	
68	68	CQ13DH0130	Trần Nhật Hoàng	19/11/1998	DHTCDN13	7	7,5	7,3	Đạt	
69	69	CQ13DH0233	Trần Việt Hoàng	07/08/2001	DHCN DL13	5	3,5	4,3	Không đạt	
70	70	CQ12DH0146	Nguyễn Danh Hùng	02/05/1986	DHTDCT K12	5,3	5,5	5,4	Đạt	
71	71	CQ14DH0037	Trịnh Quốc Hùng	06/02/2003	CK ô tô14	6,8	6,75	6,8	Đạt	
72	72	CQ13DH0389	Đinh Việt Hưng	23/09/2002	DHCNKT DL13	5,5	8,5	7,0	Đạt	
73	73	CQ13DH0367	Trần Quang Hưng	22/08/2002	DHQT KD13	5,5	8	6,8	Đạt	
74	74	CQ13DH0125	Nguyễn Thị Thu Hường	09/08/2001	DHQT KD13	5,8	7	6,4	Đạt	
75	75	CQ13DH0248	Bé Tiến Huy	02/03/2002	DHCNKT DL13	6	9,5	7,8	Đạt	
76	76	CQ12DH0110	Trịnh Đức Huy	29/03/2001	DHTDCT K12	5	5,5	5,3	Đạt	
77	77	CQ12DH0077	Ngô Thị Thu Huyền	08/06/2001	DHKETOAN K12	4	9	6,5	Đạt	
78	78	LA13DH0013	Soulasack Inthaxay	11/11/2001	DHKTOAN(SVNN)13	4,5	5,5	5,0	Đạt	
79	79	LA12DH0023	Somphavone Keosavath	24/10/1998	DHTCDNSVNNK12	-			Không đạt	Vắng thi
80	80	CQ13DH0182	Nguyễn Văn Kiên	23/10/2002	DHCNKTCKOT13	2,8	5,5	4,2	Không đạt	
81	81	CQ14DH0131	Trần Trung Kiên	23/03/2003	CK ô tô14	3,5	2,25	2,9	Không đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
82	82	LA13DH0021	Noukdavanh Khamnouan	18/12/2001	DHQTkd(SVNN)13	3,3	5,5	4,4	Không đạt	
83	83	CQ14DH0219	Hoàng Duy Khánh	27/09/2003	CK_ô_tô14	3,3	4	3,7	Không đạt	
84	84	CQ13DH0362	Nguyễn Thị Thanh Lam	23/07/2002	DHKTTH13	4	5	4,5	Không đạt	
85	85	LA13DH0023	Chor Lao	07/03/1999	DHCNKTĐ(SVNN)13	5,8	7,8	6,8	Đạt	
86	86	CQ13DH0063	Giang Thị Khánh Linh	31/12/2002	DHKTTH13	-			Không đạt	Vắng thi
87	87	CQ13DH0293	Nguyễn Hoài Linh	18/11/2002	DHKTTH13	8	8	8,0	Đạt	
88	88	CQ13DH0005	Nguyễn Thùy Linh	21/07/2001	DHKTTH13	-			Không đạt	Vắng thi
89	89	CQ13DH0146	Phạm Thị Thùy Linh	25/01/2002	DHKTTH13	-			Không đạt	Vắng thi
90	90	CQ12DH0148	Bùi Văn Long	16/04/1991	DHHAMLO K12	2	1	1,5	Không đạt	
91	91	CQ14DH0252	Đình Văn Long	02/11/2003	Điện_tử14	6,8	5	5,9	Đạt	
92	92	CQ13DH0234	Đỗ Hải Long	02/02/2002	DHCNKTĐ13	5,3	4,8	5,1	Đạt	
93	93	CQ13DH0232	Vũ Huy Đức Long	19/11/2001	DHCNKTĐ13	5	7,5	6,3	Đạt	
94	94	LA13DH0019	Maipheng Lorphetxay	09/02/1999	DHCNKTĐ(SVNN)13	4,5	6,5	5,5	Đạt	
95	95	LA13DH0020	Khamsy Lorxayxang	07/01/2001	DHCKOT(SVNN)13	4,8	7	5,9	Đạt	
96	96	CQ12DH0021	Nguyễn Đức Luận	05/03/2001	DHKTD K12	4,8	3,5	4,2	Không đạt	
97	97	CQ13DH0239	Đỗ Đình Lương	12/07/2002	DHCNKTĐ13	8,8	7,5	8,2	Đạt	
98	98	CQ12DH0113	Nguyễn Thị Ngọc Ly	09/02/2001	DHKETOAN K12	6	8,5	7,3	Đạt	
99	99	LA14DH0034	Fong Maleevone	15/06/2001	CK_ô_tôLAO14	-			Không đạt	Vắng thi
100	100	CQ13DH0265	Cao Hoàng Mạnh	06/12/2002	DHCNKTĐ13	7,5	9,5	8,5	Đạt	
101	101	LA13DH0027	Phimmason Manivong	15/10/2000	DHCNKTĐ(SVNN)13	2,8	5,5	4,2	Không đạt	
102	102	CQ13DH0291	Lý Văn Mạnh	22/11/2002	DHCNKTĐ13	3,5	5	4,3	Không đạt	
103	103	LA13DH0012	Kounda Meexai	29/12/2001	DHKTOAN(SVNN)13	4,3	6	5,2	Đạt	
104	104	CQ12DH0030	Bùi Tổ Minh	10/03/2001	DHKTD K12	4	2	3,0	Không đạt	
105	105	CQ13DH0175	Nguyễn Hồng Minh	13/11/2002	DHCNKTĐ13	7,8	9,5	8,7	Đạt	
106	106	CQ14DH0026	Nguyễn Nam	01/06/2003	CK_ô_tô14	6,8	9	7,9	Đạt	
107	107	CQ13DH0436	Phạm Hải Nam	21/12/1990	DHKTMHL13	-			Không đạt	Vắng thi
108	108	CQ12DH0066	Kim Phương Ngân	30/12/2001	DHKETOAN K12	5,3	5,75	5,5	Đạt	
109	109	CQ14DH0254	Cao Văn Nghị	28/08/2003	CK_ô_tô14	4	2,5	3,3	Không đạt	
110	110	CQ14DH0239	Nguyễn Trọng Nghĩa	02/06/2003	CK_ô_tô14	5,3	7	6,2	Đạt	

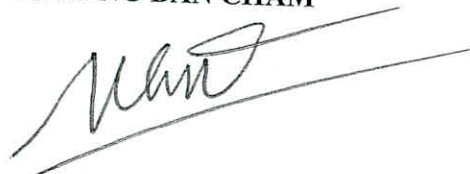
STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
111	111	CQ13DH0327	Trần Trọng Nghĩa	17/03/2002	DHCĐM13	4,5	3	3,8	Không đạt	
112	112	CQ13DH0306	Lê Thị Hoài Ngọc	27/09/2002	DHQTĐLKS	6	5	5,5	Đạt	
113	113	CQ13DH0360	Vũ Thị Mỹ Ngọc	04/10/2002	DHKTTH13	7,5	8	7,8	Đạt	
114	114	CQ14DH0260	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	17/09/2003	Kế toán14	-			Không đạt	Vắng thi
115	115	CQ14DH0236	Nguyễn Hồng Nhung	25/11/2003	Kế toán14	-			Không đạt	Vắng thi
116	116	CQ12DH0062	Trần Thị Mỹ Nhung	28/09/2001	DHKETOAN K12	6,5	5,5	6,0	Đạt	
117	117	CQ13DH0277	Nguyễn Văn Hải Ninh	03/09/2002	DHCĐM13	3,5	3,5	3,5	Không đạt	
118	118	CQ12DH0069	Phạm Hải Ninh	20/12/2001	DHKETOAN K12	4	2	3,0	Không đạt	
119	119	CQ13DH0303	Nguyễn Thị Kiều Oanh	26/12/2002	DHKTTH13	5,3	5	5,2	Đạt	
120	120	LA13DH0026	Chimy Pakayheuang	06/11/2001	DHCNKTĐ(SVNN)13	2,8	4	3,4	Không đạt	
121	121	CQ13DH0453	Tạ Văn Phải	10/10/2001	DHCNKTCKOT13	3,8	0	1,9	Không đạt	
122	122	LA13DH0008	Bouavone Phanthabouasy	16/11/2001	DHTCNN(SVNN)13	4,5	9,75	7,1	Đạt	
123	123	LA13DH0010	Cheuy Phonemaisee	13/10/2000	DHKTOAN(SVNN)13	3	7	5,0	Đạt	
124	124	CQ13DH0271	Trần Gia Phong	26/05/2002	DHCNKTCKOT13	4,8	6,5	5,7	Đạt	
125	125	CQ13DH0003	Đỗ Văn Phòng	08/09/1995	DHKTTH13	8,3	9,75	9,0	Đạt	
126	126	LA13DH0018	Senxay Phouthavongsa	17/11/2001	DHCNKTĐ(SVNN)13	2,8	9,5	6,2	Đạt	
127	127	CQ13DH0006	Hoàng Hữu Phú	14/05/2002	DHKTTH13	7,5	9,75	8,6	Đạt	
128	128	CQ13DH0377	Phạm Văn Phú	28/06/2002	DHCNKTCKOT13	6,5	6	6,3	Đạt	
129	129	CQ14DH0138	Nguyễn Huy Phúc	01/12/2003	CK ô tô14	3,3	7	5,2	Đạt	
130	130	CQ14DH0283	Nguyễn Hà Phương	09/02/2003	Kế toán14	7,8	10	8,9	Đạt	
131	131	CQ13DH0299	Hoàng Long Quân	18/04/2002	DHCNKTĐ13	6	8	7,0	Đạt	
132	132	CQ14DH0005	Nguyễn Duy Quân	27/08/2003	CK ô tô14	1,8	3	2,4	Không đạt	
133	133	CQ11DH0137	Đoàn Minh Quang	30/08/1999	KTDDHK11	5,3	8	6,7	Đạt	
134	134	CQ12DH0088	Đồng Minh Quang	21/09/1997	DHTK K12	7	7	7,0	Đạt	
135	135	CQ13DH0276	Mạc Hồng Quang	15/05/2002	DHCNKTĐ13	4,8	7	5,9	Đạt	
136	136	CQ14DH0013	Nguyễn Ngọc Quảng	28/12/2003	CK ô tô14	-			Không đạt	Vắng thi
137	137	CQ12DH0075	Phạm Thị Thúy Quyên	22/04/1998	DHKETOAN K12	-			Không đạt	Vắng thi
138	138	CQ13DH0053	Bùi Đình Như Quỳnh	21/11/2002	DHKTTH13	4,5	4	4,3	Không đạt	
139	139	LA13DH0025	Bounchanh Salikathong	06/09/2001	DHCNKTĐ(SVNN)13	2,5	3	2,8	Không đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
140	140	LA13DH0011	Maita Seesompheng	16/10/2001	DHKTOAN(SVNN)13	4,3	6,5	5,4	Đạt	
141	141	CQ11DH0005	Hoàng Tiên Sinh	05/11/2000	KTTHDHK11	7	9	8,0	Đạt	
142	142	LA13DH0006	Soulinthone Sivongsack	15/05/1998	DHCNKTĐ(SVNN)13	4	4	4,0	Không đạt	
143	143	CQ12DH0073	Hoàng Thọ Tùng Sơn	23/02/2001	DHKETOAN K12	6,5	4,5	5,5	Đạt	
144	144	CQ13DH0116	Nguyễn Thái Sơn	10/09/2002	DHQTĐK13	5,8	5,5	5,7	Đạt	
145	145	CQ14DH0017	Phạm Dương Sơn	09/12/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
146	146	CQ14DH0250	Vi Ngọc Sơn	21/09/2003	CK_ô_tô14	5,8	7	6,4	Đạt	
147	147	CQ13DH0394	Vũ Đức Sơn	31/10/2001	DHCNKTĐ13	8,8	7	7,9	Đạt	
148	148	LA13DH0022	Lai on Souliyasack	21/07/2002	DHTCNN(SVNN)13	4,3	7,25	5,8	Đạt	
149	149	CQ12DH0082	Nguyễn Thị Minh Tâm	26/12/2001	DHKETOAN K12	8	8,5	8,3	Đạt	
150	150	CQ13DH0144	Ninh Thị Tâm	05/07/2002	DHKTTH13	6,3	3	4,7	Không đạt	
151	151	CQ14DH0277	Lương Ngọc Tân	13/09/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
152	152	CQ14DH0255	Phạm Văn Tiến	20/01/2003	CK_ô_tô14	6,8	6	6,4	Đạt	
153	153	CQ13DH0431	Hà Nguyễn Thế Toàn	30/08/2001	DHCNKTĐ13	4,8	4,5	4,7	Không đạt	
154	154	CQ13DH0279	Hoàng Đức Toàn	31/08/2002	DHCĐM13	4,3	3,75	4,0	Không đạt	
155	155	CQ14DH0155	Nguyễn Văn Toàn	18/09/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
156	156	CQ13DH0273	Lê Trọng Tú	27/12/2002	DHCNĐL13	5,5	7,5	6,5	Đạt	
157	157	CQ14DH0157	Nguyễn Anh Tú	09/01/2002	CK_ô_tô14	4,8	3,25	4,0	Không đạt	
158	158	CQ11DH0100	Vũ Minh Tuấn	25/02/2000	TDHDK11	-			Không đạt	Vắng thi
159	159	CQ13DH0257	Đinh Xuân Tùng	06/07/2002	DHCNKTĐ13	6,5	9,5	8,0	Đạt	
160	160	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh Tùng	15/11/2001	DHKTD K12	7	5,25	6,1	Đạt	
161	161	CQ13DH0185	Nguyễn Văn Tùng	27/05/1997	DHKTMHL13	3,8	0	1,9	Không đạt	
162	162	CQ12DH0084	Bùi Ngọc Thạch	07/03/2000	DHDT K12	7,3	5	6,2	Đạt	
163	163	CQ14DH0253	Đinh Đức Thái	24/12/2003	Điện_tử14	5,8	7,25	6,5	Đạt	
164	164	CQ12DH0032	Đinh Văn Thái	16/09/2001	DHKTD K12	5	5	5,0	Đạt	
165	165	CQ13DH0254	Nguyễn Ngọc Thán	15/06/2002	DHCNKTĐ13	7,8	9	8,4	Đạt	
166	166	CQ14DH0156	Bùi Quang Thắng	09/10/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
167	167	CQ14DH0004	Nguyễn Vĩnh Thắng	11/07/2003	CK_ô_tô14	3,3	4,5	3,9	Không đạt	
168	168	CQ14DH0134	Nguyễn Xuân Thắng	12/08/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
169	169	CQ13DH0183	Phạm Duy Thắng	17/07/2002	DHCNKTCKOT13	5,8	5,5	5,7	Đạt	
170	170	CQ13DH0285	Đinh Công Thành	25/03/2002	DHCNKTĐ13	5,3	8,5	6,9	Đạt	
171	171	CQ12DH0085	Nguyễn Tiến Thành	24/06/2000	DHHAMLO K12	3	4	3,5	Không đạt	
172	172	CQ12DH0063	Đường Hương Thảo	26/06/2001	DHKETOAN K12	7	6,75	6,9	Đạt	
173	173	CQ12DH0149	Lê Thị Phương Thảo	08/05/2001	DHKETOAN K12	8	9,75	8,9	Đạt	
174	174	CQ13DH0103	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/01/2002	DHQTĐ13	4,5	9,75	7,1	Đạt	
175	175	CQ12DH0078	Ứng Thị Phương Thảo	26/12/2001	DHKETOAN K12	6	9,5	7,8	Đạt	
176	176	CQ14DH0100	Lê Phước Thịnh	01/01/2003	CK_ô_tô14	5,3	5	5,2	Đạt	
177	177	LA13DH0007	Vongphachanh Thipphaxay	05/03/2003	DHCNKTĐ(SVNN)13	3,8	7,75	5,8	Đạt	
178	178	LA13DH0024	Keng Thor	06/03/2000	DHKTML(SVNN)12	5,3	6,5	5,9	Đạt	
179	179	CQ14DH0249	Nguyễn Văn Tùng	12/02/2003	CK_ô_tô14	4,3	6	5,2	Đạt	
180	180	CQ13DH0187	Phạm Thanh Tùng	18/06/2002	DHKTML13	5,3	5,5	5,4	Đạt	
181	181	CQ14DH0247	Vũ Văn Tuyên	14/10/2003	CK_ô_tô14	2,8	5,75	4,3	Không đạt	
182	182	CQ13DH0052	Quách Thị Minh Thư	20/03/2001	DHKTTH13	4,5	6,5	5,5	Đạt	
183	183	CQ14DH0231	Lê Đức Thuận	28/04/2003	CK_ô_tô14	6	5,8	5,9	Đạt	
184	184	CQ13DH0009	Từ Thu Thương	18/02/2002	DHKTTH13	5,3	5	5,2	Đạt	
185	185	CQ14DH0256	Vũ Hoài Thương	06/02/2003	Kế_toán14	7,8	10	8,9	Đạt	
186	186	CQ13DH0419	Dương Ngọc Thùy	01/01/2002	DHQTĐ13	7,3	6	6,7	Đạt	
187	187	CQ13DH0131	Trần Thị Thùy	22/08/2002	DHTCDN13	5,5	3	4,3	Không đạt	
188	188	CQ13DH0440	Chung Thị Kiều Trang	19/10/2002	DHKTTH13	7,3	8,5	7,9	Đạt	
189	189	CQ13DH0342	Đào Thu Trang	09/12/2002	DHKTTH13	7,3	7,25	7,3	Đạt	
190	190	CQ13DH0307	Lê Thị Huyền Trang	30/01/2002	DHKTTH13	4,3	9,5	6,9	Đạt	
191	191	CQ12DH0076	Lê Thu Trang	17/02/2001	DHKETOAN K12	7	8,5	7,8	Đạt	
192	192	CQ13DH0040	Vũ Thị Kiều Trang	15/12/2002	DHKTTH13	5,5	9,25	7,4	Đạt	
193	193	CQ13DH0246	Trần Bình Trọng	22/12/2002	DHCNKTĐ13	7,5	7	7,3	Đạt	
194	194	CQ12DH0015	Hoàng Đức Trung	06/01/2001	DHCKOTO K12	-			Không đạt	Vắng thi
195	195	CQ14DH0162	Nguyễn Văn Trung	12/08/2003	CK_ô_tô14	-			Không đạt	Vắng thi
196	196	CQ13DH0252	Hoàng Văn Trường	23/08/2002	DHCNKTĐ13	8	9,5	8,8	Đạt	
197	197	CQ14DH0218	Nguyễn Đình Trường	11/08/2003	CK_ô_tô14	5,8	6,75	6,3	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
198	198	CQ13DH0396	Nguyễn Quang Trường	18/07/2002	DHCNKTĐ13	6,8	7,75	7,3	Đạt	
199	199	CQ14DH0036	Nguyễn Văn Trường	04/10/2003	Điện_lanh14	6	6,25	6,1	Đạt	
200	200	LTCQ14DH12	Phạm Văn Trường	22/08/1994	LTTĐH14	-			Không đạt	Vắng thi
201	201	LA13DH0009	Anousith Vannachone	19/10/2002	DHCNKTĐ(SVNN)13	5,3	9,5	7,4	Đạt	
202	202	LA13DH0016	Phouvone Vilaphone	11/07/2001	DHCKOT(SVNN)13	3,5	9,5	6,5	Đạt	
203	203	CQ14DH0248	Phạm Văn Vinh	21/06/2003	CK ô tô14	4	4,75	4,4	Không đạt	
204	204	CQ14DH0268	Nguyễn Hoàng Vũ	06/09/2003	CK ô tô14	5	7	6,0	Đạt	
205	205	LA13DH0001	Xaiyasith Xaiyaphone	17/07/2002	DHCNKTĐ(SVNN)13	5,3	6	5,7	Đạt	
206	206	CQ13DH0126	Lê Hải Yến	21/05/2002	DHQTĐLKS	6,3	7,25	6,8	Đạt	
207	207	LA13DH0017	Ongphet Yotbounmy	01/02/1999	DHCKOT(SVNN)13	3,5	7,25	5,4	Đạt	

TRƯỞNG BAN CHẤM



TS. Bùi Thanh Nhu

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM



ThS. Đặng Đình Đức

Quảng Ninh, ngày 9 tháng 12 năm 2022

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hiền